

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 8 - 2020

*V/v ly hôn*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Kim Giang;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Hoa

2. Ông Hoàng Văn Tứ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 152/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Khu dân cư H, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị B, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khu dân cư H, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Anh K, chị B đều có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2020 và ý kiến tại các buổi làm việc, nguyên đơn anh Nguyễn Văn K, bị đơn chị Vũ Thị B thống nhất trình bày: Anh chị yêu thương và có con với nhau vào năm 1988, nhưng đến ngày 06/5/1989 (tức ngày 02/4/1989 âm lịch) mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C (nay là phường C), thành phố C. Đến ngày 15/6/1989 (tức ngày 12/5/1989 âm lịch) anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh K ở khu dân cư H, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Năm 2017, con trai của anh chị là Nguyễn Văn

Kh bị chết do tai nạn giao thông. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K muốn sinh thêm con, nhưng chị B không đồng ý. Do vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô sát. Vợ chồng mất dần tình cảm, ít nói chuyện, quan tâm đến nhau. Từ tháng 6/2018, anh K chuyển ra ngoài thuê nhà ở riêng. Vợ chồng chính thức sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Gia đình, bạn bè cũng khuyên bảo, hòa giải nhưng không được. Nay anh chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được và thống nhất đề nghị tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Về con chung: Anh K, chị B có 02 con chung là Nguyễn Thị L, sinh năm 1988 và Nguyễn Văn Kh sinh năm 1993. Hiện tại, cháu L đã trưởng thành có gia đình riêng, tự lo được cuộc sống bản thân, còn cháu Kh đã chết do tai nạn giao thông. Do vậy, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ con chung. Về quan hệ tài sản: Anh K, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc đăng ký kết hôn, anh K và chị B đều xác định hiện tại anh chị không còn lưu giữ được giấy chứng nhận kết hôn và cũng không có tài liệu gì để chứng minh anh chị có đăng ký kết hôn.

- Tại biên bản xác minh ngày 16/7/2020, khu dân cư H, phường C xác định: Anh K và chị B có con chung năm 1988, đến năm 1989 có tổ chức lễ cưới và về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh K. Anh K và chị B có đăng ký kết hôn không thì khu dân cư không nắm được. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng trong việc sinh thêm con. Sau đó, anh K chuyển ra ngoài ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh K xin ly hôn, quan điểm của khu dân cư là đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

- Tại xác nhận ngày 03/6/2020 của Ủy ban nhân dân phường C và biên bản xác minh với Phòng Tư pháp thành phố Chí Linh ngày 09/7/2020 đều thể hiện anh Nguyễn Văn K và chị Vũ Thị B không có đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa:

Anh K, chị B đều giữ nguyên quan điểm như nội dung nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; mục 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn K và chị Vũ Thị B là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Anh K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị B đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu dân cư H, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Anh Nguyễn Văn K khởi kiện xin ly hôn chị Vũ Thị B. Do vậy, đây là vụ án về ly hôn, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K và chị Vũ Thị B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Anh K, chị B trình bày ngày 06/5/1989 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C (nay là phường C), nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh anh chị có đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân phường C và Phòng Tư pháp thành phố C cũng xác định anh K và chị B không có tên trong sổ đăng ký kết hôn. Thời điểm ngày 06/5/1989 anh K cũng chưa đủ 19 tuổi, chưa bước sang tuổi 20, do vậy, không đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định anh K và chị B không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc anh K, chị B chung sống không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay anh K có đơn xin ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và mục 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh K và chị B.

[3] Về con chung: Anh K, chị B có 02 con chung là Nguyễn Thị L, sinh năm 1988 và Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1993. Hiện tại cháu L đã trưởng thành có gia

đình riêng, tự lo được cuộc sống bản thân, còn cháu Kh đã chết do tai nạn giao thông. Anh K, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ con chung nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản: Anh K, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh K là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; mục 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn K và chị Vũ Thị B là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 con chung.

Con chung là Nguyễn Thị L, sinh năm 1988 đã trưởng thành, có gia đình riêng; con chung Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1993 đã chết. Do vậy, không đặt ra việc xem xét, giải quyết về việc nuôi con chung.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn K phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà anh K đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0006477 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Anh K đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Kim Giang**

